CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Ngày 15/01/2024	7,970 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.5%	**-1.4%**	**-**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,540 - 10,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,185
Số lượng CPLH (CP)	274,133,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)	877,910
Sở hữu nước ngoài	14.3%
Beta	1.49
EPS	-2,836
P/E	-2.8

DT thuần
Q4/23
2,191
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 298| 15.7%
YoY: ▼1,027| -31.9%

LN thuần
Q4/23
112
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 275| 169%
YoY: ▲ 1,326| 109%

LN sau thuế
Q4/23
101
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 271| 160%
YoY: ▲ 1,303| 108%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
-2.7%
YoY: +/-▲ 10.1%

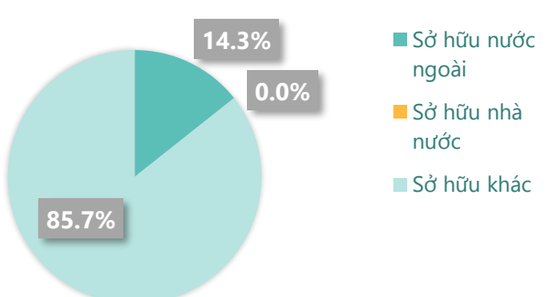
ROE
2023
-93.0%
YoY: +/-▲ 4.3%

DT thuần
2023
7,546
tỷ VNĐ
YoY: ▼6,603| -46.7%

LN thuần
2023
-761
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,546| 67.0%

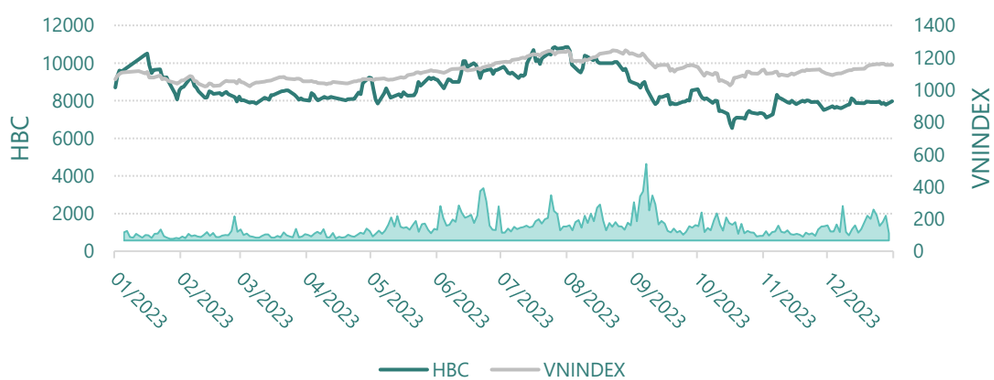
LN sau thuế
2023
-782
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,788| 69.6%

Cơ cấu sở hữu

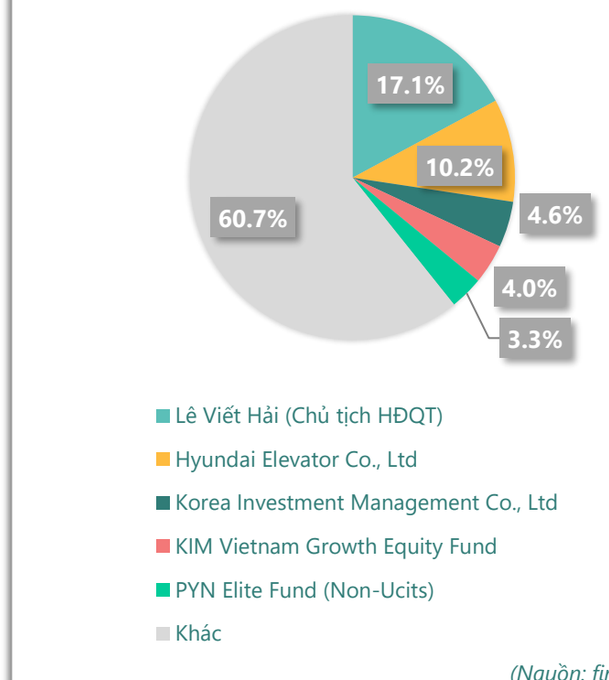


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



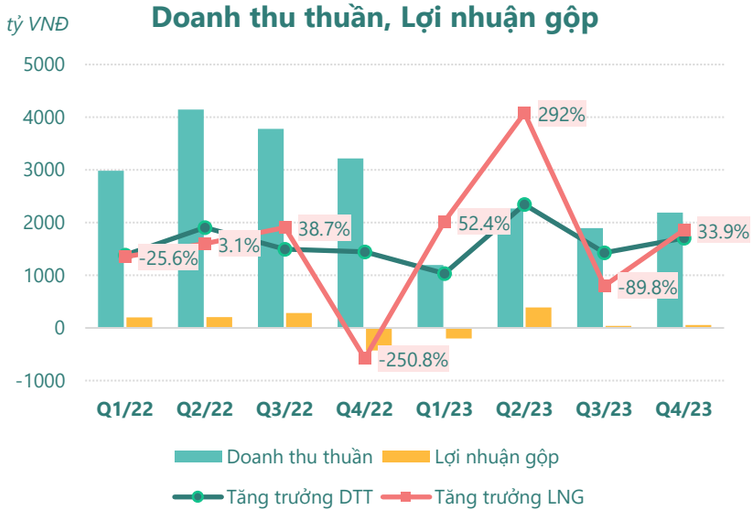
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

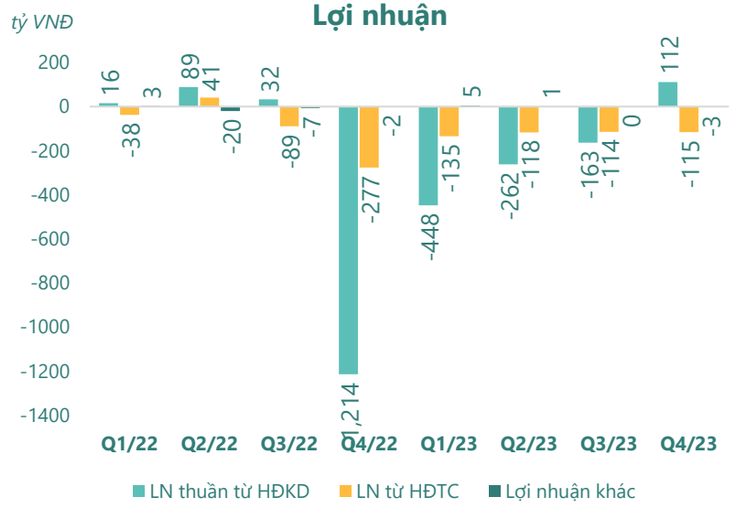
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



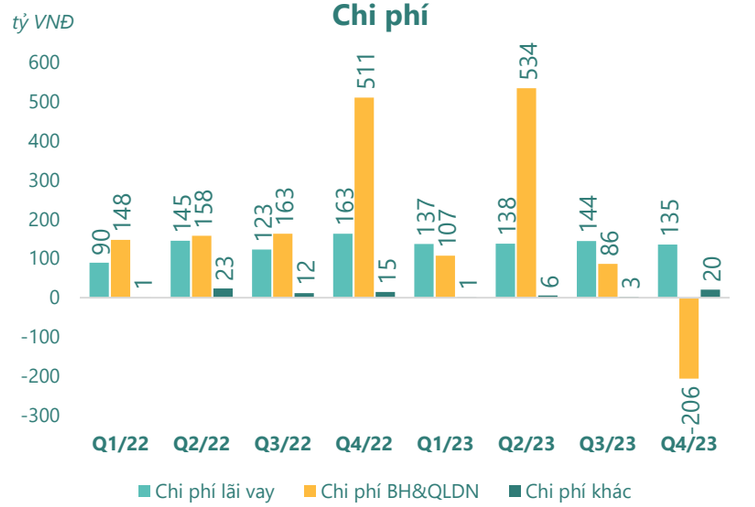
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



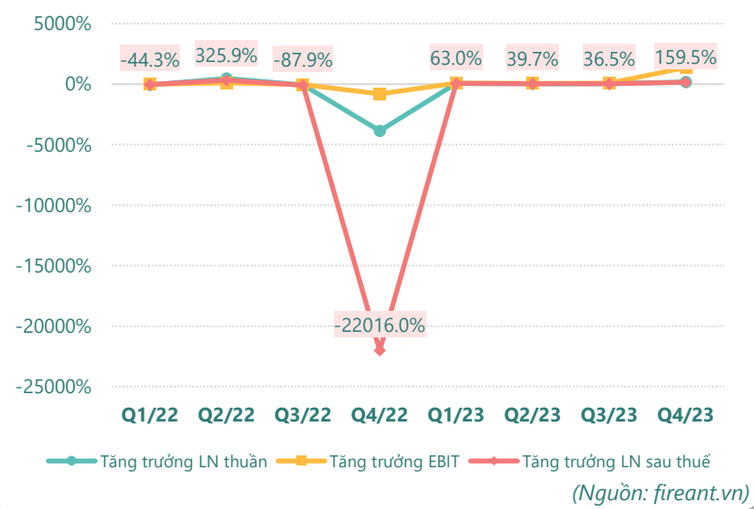
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



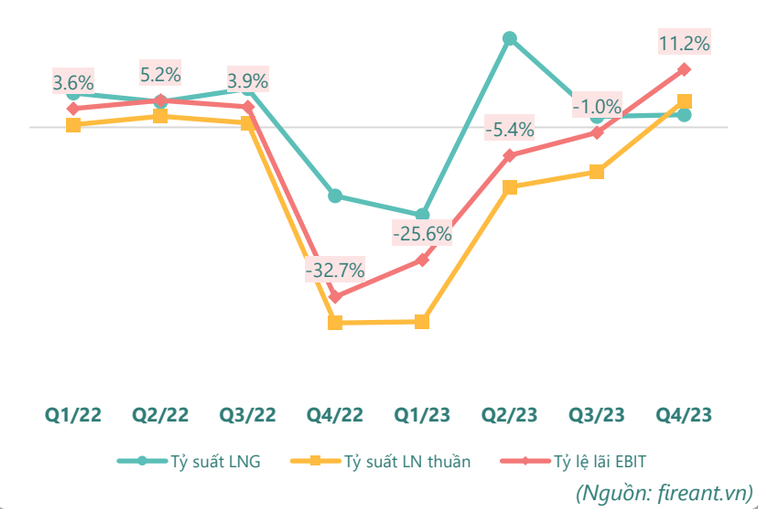
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



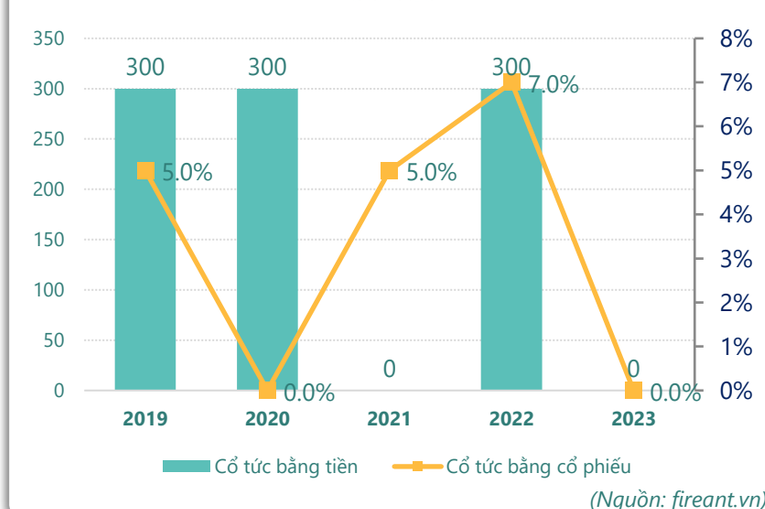
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

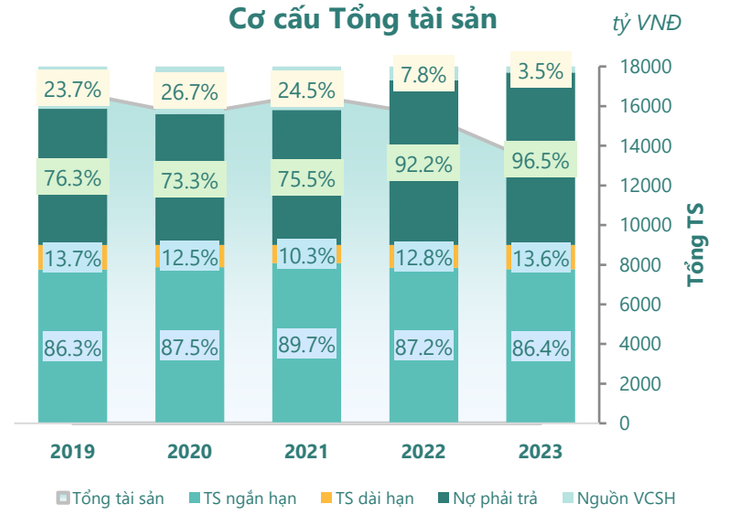
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

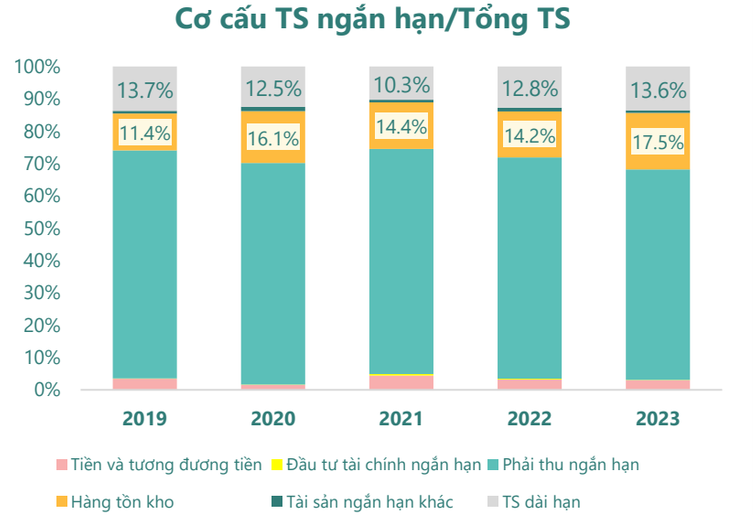
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



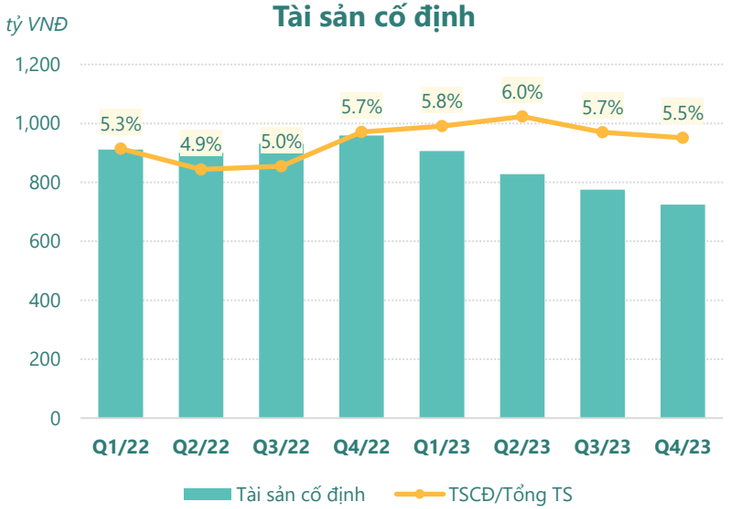
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



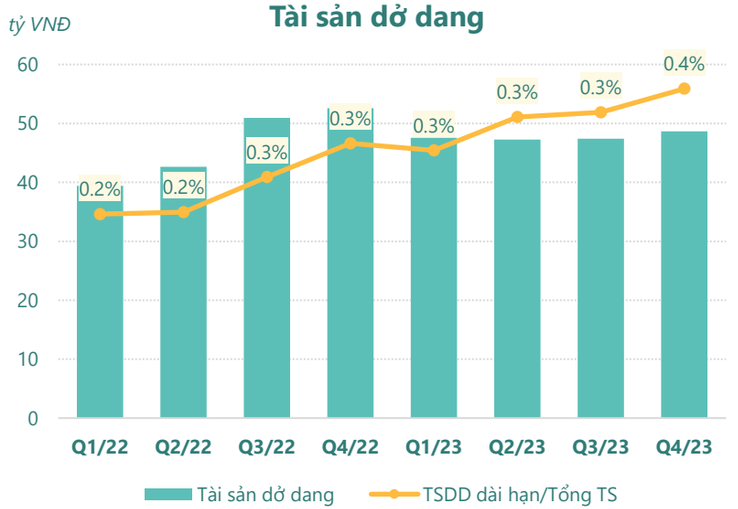
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



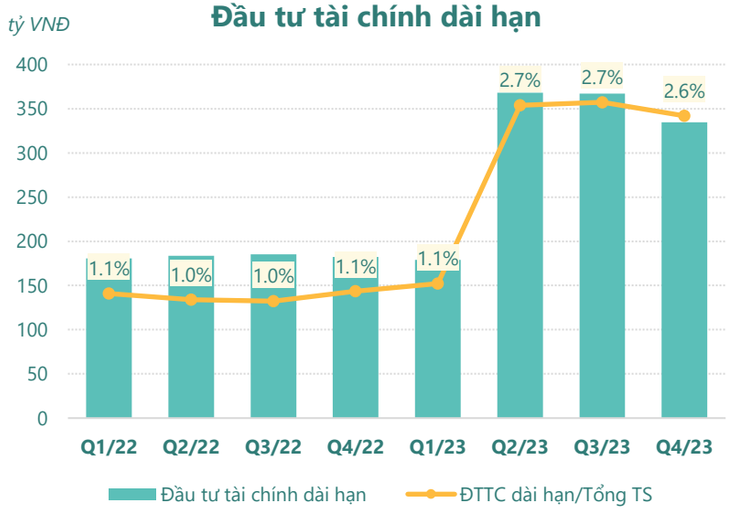
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



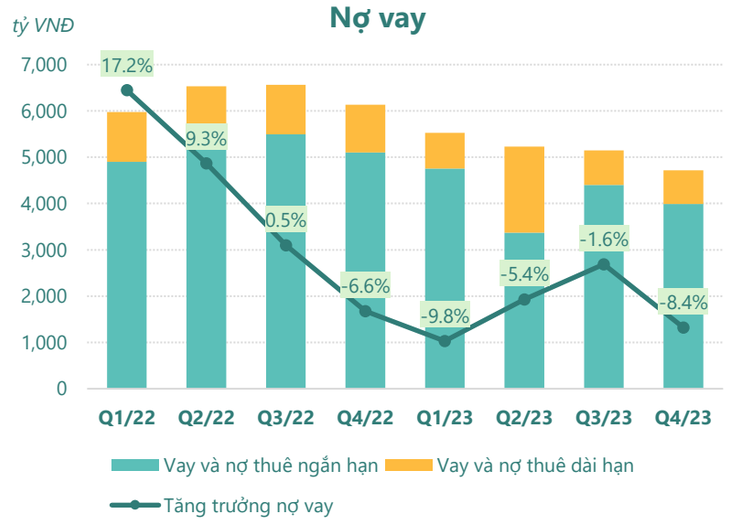
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

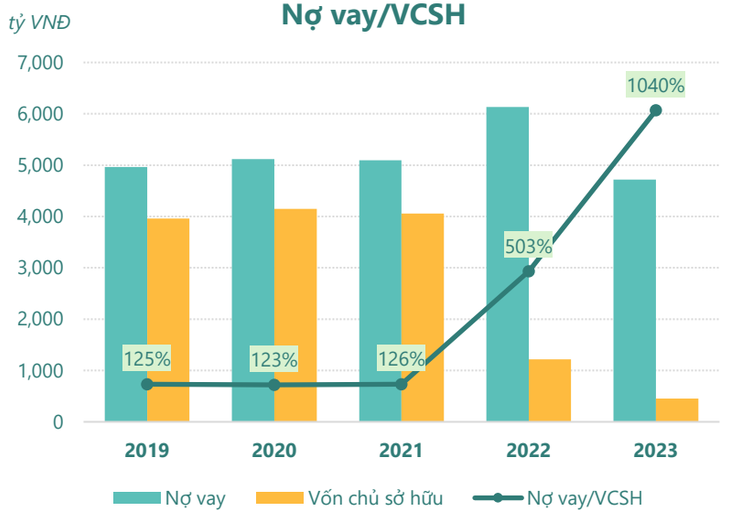
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

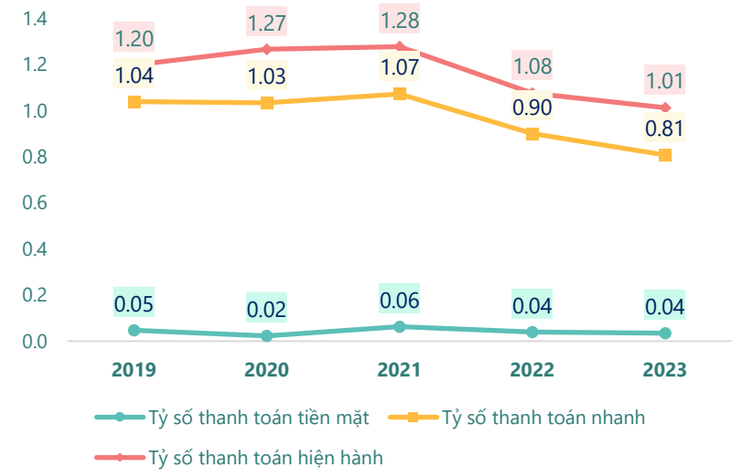
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



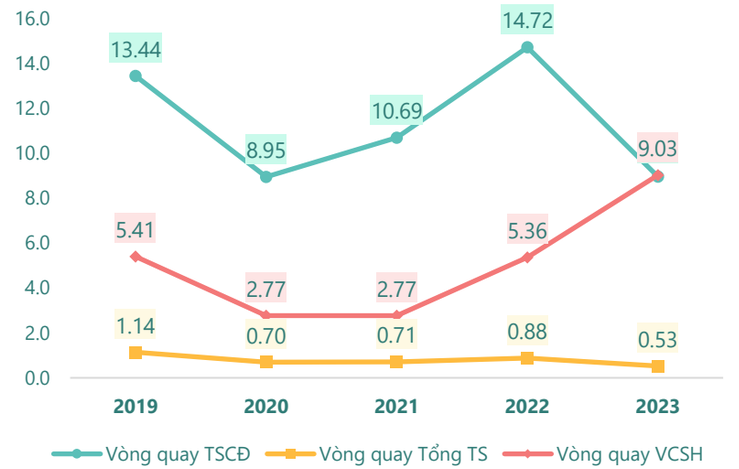
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



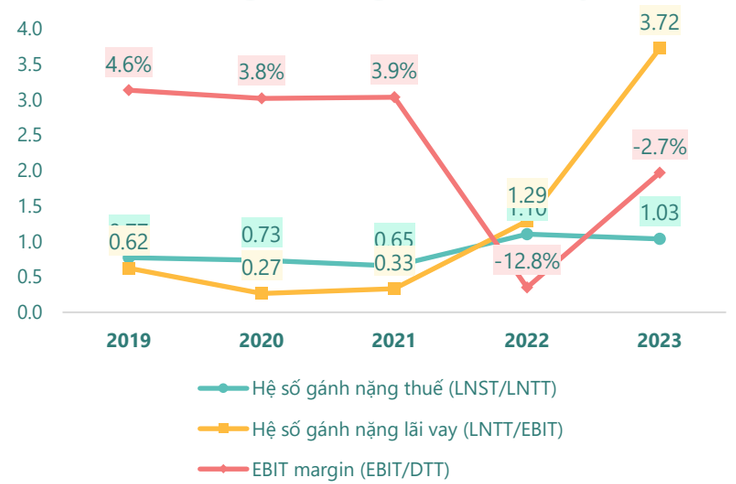
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



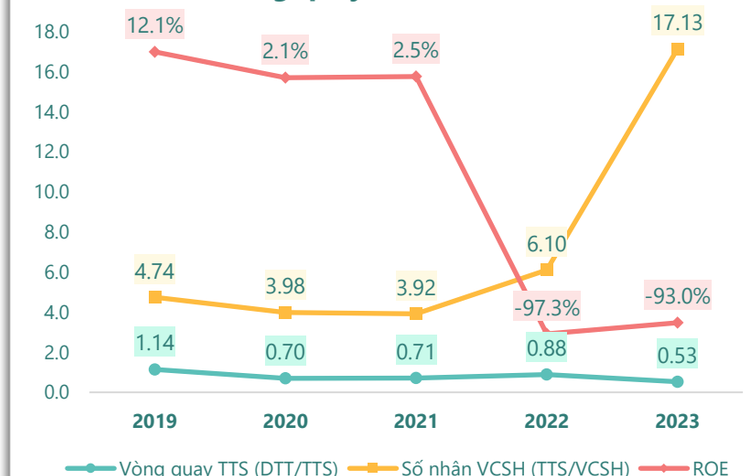
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



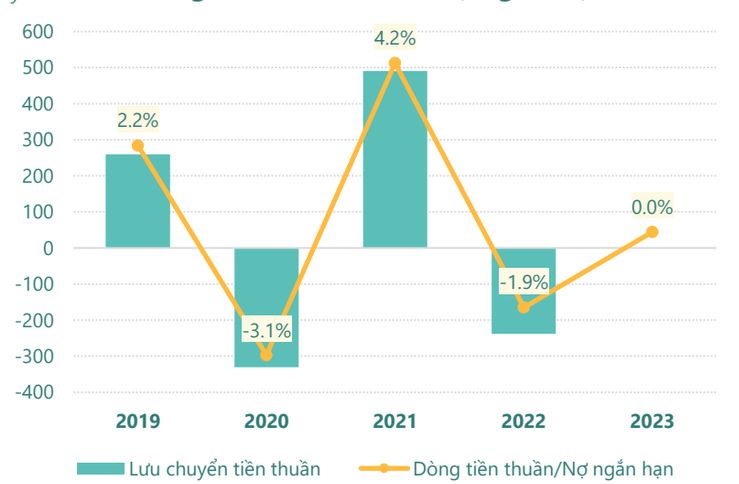
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,191**	**3,218**	**-31.9%**	**7,546**	**14,149**	**-46.7%**
Giá vốn hàng bán	2,137	3,644	-41.4%	7,266	13,679	-46.9%
Lợi nhuận gộp	53.5	-426	113%	281	470	-40.3%
Doanh thu HĐTC	20.0	-113	118%	74.3	24.0	209%
Chi phí TC	135	164	-17.4%	556	521	6.8%
Chi phí lãi vay	135	163	-17.1%	554	520	6.5%
LN trong công ty LKLD	**-32.5**	**-0.71**	**-4472%**	**-37.7**	**4.73**	**-896%**
Chi phí bán hàng	16.8	14.6	15.1%	38.8	39.1	-1.0%
Chi phí QLDN	**-223**	**496**	**-145%**	**483**	**2,246**	**-78.5%**
LN thuần từ HĐKD	112	-1,214	109%	-761	-2,307	67.0%
Lợi nhuận khác	**-2.53**	**-1.51**	**-67.8%**	**3.08**	**-27.0**	**111%**
LN trước thuế	109	-1,216	109%	-757	-2,334	67.5%
Lợi nhuận sau thuế	**101**	**-1,202**	**108%**	**-782**	**-2,570**	**69.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**102**	**-1,202**	**109%**	**-778**	**-2,567**	**69.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.0	486	276	319	530	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-119	-295	43.1	40.8	-204	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	40.9	-283	-604	-298	-83.8	0
Tiền đầu kỳ	636	585	493	208	273	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-51.4**	**-91.2**	**-285**	**62.4**	**242**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	585	493	208	273	516	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**13,055**	**15,594**	**-16.3%**
Tài sản ngắn hạn	11,281	13,604	-17.1%
Tiền và tương đương tiền	391	496	-21.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.7	43.8	-68.7%
Phải thu ngắn hạn	8,492	10,673	-20.4%
Hàng tồn kho	2,285	2,218	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	98.6	173	-43.1%
Tài sản dài hạn	**1,774**	**1,990**	**-10.9%**
Phải thu dài hạn	328	370	-11.3%
Tài sản cố định	724	959	-24.5%
Bất động sản đầu tư	9.66	10.3	-6.2%
Tài sản dở dang	48.6	52.6	-7.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	335	181	85.4%
Tài sản dài hạn khác	**315**	**398**	**-20.7%**
Lợi thế thương mại	13.7	20.7	-33.8%
Nợ phải trả	12,601	14,376	-12.3%
Nợ ngắn hạn	**11,139**	**12,641**	**-11.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,989	5,104	-21.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	4,368	4,738	-7.8%
Nợ dài hạn	1,462	1,735	-15.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	729	1,027	-28.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**454**	**1,219**	**-62.8%**
Vốn chủ sở hữu	**454**	**1,219**	**-62.8%**
Vốn điều lệ	2,741	2,741	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)